

Phụ lục II
DANH SÁCH HỒ SƠ CHẠM ĐƯỢC TIẾP NHẬN TRÊN CÔNG DỊCH VỤ CÔNG QUỐC GIA
(Kèm theo Công văn số /UBND-PVHCC ngày /10/2025 của UBND tỉnh)

Đối với hồ sơ tiếp nhận trong tháng 9/2025

STT	MÃ HỒ SƠ	MÃ TTHC	TÊN TTHC	ĐƠN VỊ XỬ LÝ	NGÀY TIẾP NHẬN
1	H15.50-250901-0001	1.002338.000.00.00.H15	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	01/09/2025
2	H15.50-250903-1659	1.012789.000.00.00.H15	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	03/09/2025
3	H15.50-250903-1674	1.013831.H15	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp mà không theo phương án dồn điền, đổi thửa; chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng; bán hoặc tặng cho hoặc để thừa kế hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm	Sở Nông nghiệp và Môi trường	03/09/2025
4	H15.50-250903-1673	1.012789.000.00.00.H15	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	03/09/2025
5	H15.50-250903-1679	1.011443.000.00.00.H15	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	Sở Nông nghiệp và Môi trường	03/09/2025
6	H15.50-250903-1669	1.012789.000.00.00.H15	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	03/09/2025
7	H15.50-250903-1671	1.013831.H15	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp mà không theo phương án dồn điền, đổi thửa; chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng; bán hoặc tặng cho hoặc để thừa kế hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm	Sở Nông nghiệp và Môi trường	03/09/2025
8	H15.50-250903-0614	1.013831.H15	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp mà không theo phương án dồn điền, đổi thửa; chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng; bán hoặc tặng cho hoặc để thừa kế hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm	Sở Nông nghiệp và Môi trường	03/09/2025
9	H15.50-250903-1670	1.013833.H15	Đăng ký biến động đối với trường hợp đổi tên hoặc thay đổi thông tin về người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc thay đổi số hiệu hoặc địa chỉ của thửa đất; thay đổi hạn chế quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc có thay đổi quyền đối với thửa đất liền kề; giám diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên	Sở Nông nghiệp và Môi trường	03/09/2025
10	H15.50-250903-1658	1.011441.000.00.00.H15	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	Sở Nông nghiệp và Môi trường	03/09/2025
11	H15.50-250903-0187	1.012787.000.00.00.H15	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, công trình xây dựng trong dự án bất động sản	Sở Nông nghiệp và Môi trường	03/09/2025
12	H15.50-250903-1665	1.013831.H15	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp mà không theo phương án dồn điền, đổi thửa; chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng; bán hoặc tặng cho hoặc để thừa kế hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm	Sở Nông nghiệp và Môi trường	03/09/2025

STT	MÃ HỒ SƠ	MÃ TTHC	TÊN TTHC	ĐƠN VỊ XỬ LÝ	NGÀY TIẾP NHẬN
13	H15.50-250903-1677	1.013831.H15	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp mà không theo phương án dồn điền, đổi thửa; chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng; bán hoặc tặng cho hoặc để thừa kế hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm	Sở Nông nghiệp và Môi trường	03/09/2025
14	H15.50-250903-1668	1.011441.000.00.00.H15	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	Sở Nông nghiệp và Môi trường	03/09/2025
15	H15.50-250903-1548	1.013831.H15	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp mà không theo phương án dồn điền, đổi thửa; chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng; bán hoặc tặng cho hoặc để thừa kế hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm	Sở Nông nghiệp và Môi trường	03/09/2025
16	H15.50-250903-1686	1.012789.000.00.00.H15	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	03/09/2025
17	H15.50-250903-1676	1.013831.H15	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp mà không theo phương án dồn điền, đổi thửa; chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng; bán hoặc tặng cho hoặc để thừa kế hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm	Sở Nông nghiệp và Môi trường	03/09/2025
18	H15.50-250903-1682	1.013833.H15	Đăng ký biến động đối với trường hợp đổi tên hoặc thay đổi thông tin về người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc thay đổi số hiệu hoặc địa chỉ của thửa đất; thay đổi hạn chế quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc có thay đổi quyền đối với thửa đất liền kề; giám diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên	Sở Nông nghiệp và Môi trường	03/09/2025
19	H15.50-250903-1663	1.012783.000.00.00.H15	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	Sở Nông nghiệp và Môi trường	03/09/2025
20	H15.50-250904-0540	1.012789.000.00.00.H15	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	04/09/2025
21	H15.50-250904-1557	1.012784.000.00.00.H15	Tách thửa hoặc hợp thửa đất.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	04/09/2025
22	H15.50-250904-1006	1.013831.H15	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp mà không theo phương án dồn điền, đổi thửa; chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng; bán hoặc tặng cho hoặc để thừa kế hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm	Sở Nông nghiệp và Môi trường	04/09/2025
23	H15.50-250903-1986	1.012789.000.00.00.H15	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	04/09/2025
24	H15.50-250904-1005	1.012789.000.00.00.H15	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	04/09/2025
25	H15.50-250904-1001	1.012789.000.00.00.H15	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	04/09/2025
26	H15.50-250904-1553	1.012789.000.00.00.H15	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	04/09/2025
27	H15.50-250904-2044	1.012783.000.00.00.H15	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	Sở Nông nghiệp và Môi trường	04/09/2025

STT	MÃ HỒ SƠ	MÃ TTHC	TÊN TTHC	ĐƠN VỊ XỬ LÝ	NGÀY TIẾP NHẬN
28	H15.50-250903-1687	1.013831.H15	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp mà không theo phương án dồn điền, đổi thửa; chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng; bán hoặc tặng cho hoặc để thừa kế hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm	Sở Nông nghiệp và Môi trường	04/09/2025
29	H15.50-250904-2039	1.013831.H15	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp mà không theo phương án dồn điền, đổi thửa; chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng; bán hoặc tặng cho hoặc để thừa kế hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm	Sở Nông nghiệp và Môi trường	04/09/2025
30	H15.50-250904-1000	1.013831.H15	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp mà không theo phương án dồn điền, đổi thửa; chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng; bán hoặc tặng cho hoặc để thừa kế hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm	Sở Nông nghiệp và Môi trường	04/09/2025
31	H15.50-250904-1004	1.013831.H15	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp mà không theo phương án dồn điền, đổi thửa; chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng; bán hoặc tặng cho hoặc để thừa kế hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm	Sở Nông nghiệp và Môi trường	04/09/2025
32	H15.50-250904-1560	1.013831.H15	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp mà không theo phương án dồn điền, đổi thửa; chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng; bán hoặc tặng cho hoặc để thừa kế hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm	Sở Nông nghiệp và Môi trường	04/09/2025
33	H15.50-250903-1685	1.013831.H15	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp mà không theo phương án dồn điền, đổi thửa; chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng; bán hoặc tặng cho hoặc để thừa kế hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm	Sở Nông nghiệp và Môi trường	04/09/2025
34	H15.50-250904-0537	1.011443.000.00.00.H15	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	Sở Nông nghiệp và Môi trường	04/09/2025
35	H15.50-250904-1559	1.012784.000.00.00.H15	Tách thửa hoặc hợp thửa đất.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	04/09/2025

STT	MÃ HỒ SƠ	MÃ TTHC	TÊN TTHC	ĐƠN VỊ XỬ LÝ	NGÀY TIẾP NHẬN
36	H15.50-250904-1555	1.011443.000.00.00.H15	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	Sở Nông nghiệp và Môi trường	04/09/2025
37	H15.50-250904-1558	1.012789.000.00.00.H15	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	04/09/2025
38	H15.50-250904-1562	1.011443.000.00.00.H15	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	Sở Nông nghiệp và Môi trường	04/09/2025
39	H15.50-250905-1750	1.013831.H15	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp mà không theo phương án dồn điền, đổi thửa; chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng; bán hoặc tặng cho hoặc để thừa kế hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm	Sở Nông nghiệp và Môi trường	05/09/2025
40	H15.50-250905-1594	1.012783.000.00.00.H15	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	Sở Nông nghiệp và Môi trường	05/09/2025
41	H15.50-250905-1602	1.013831.H15	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp mà không theo phương án dồn điền, đổi thửa; chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng; bán hoặc tặng cho hoặc để thừa kế hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm	Sở Nông nghiệp và Môi trường	05/09/2025
42	H15.50-250905-0290	1.012783.000.00.00.H15	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	Sở Nông nghiệp và Môi trường	05/09/2025
43	H15.50-250905-1600	1.012784.000.00.00.H15	Tách thửa hoặc hợp thửa đất.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	05/09/2025
44	H15.50-250902-0011	1.013831.H15	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp mà không theo phương án dồn điền, đổi thửa; chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng; bán hoặc tặng cho hoặc để thừa kế hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm	Sở Nông nghiệp và Môi trường	05/09/2025
45	H15.50-250905-1103	1.012781.000.00.00.H15	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với thửa đất có diện tích tăng thêm do thay đổi ranh giới so với Giấy chứng nhận đã cấp	Sở Nông nghiệp và Môi trường	05/09/2025
46	H15.50-250904-1556	1.012789.000.00.00.H15	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	05/09/2025
47	H15.50-250828-0582	1.013833.H15	Đăng ký biến động đối với trường hợp đổi tên hoặc thay đổi thông tin về người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc thay đổi số hiệu hoặc địa chỉ của thửa đất; thay đổi hạn chế quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc có thay đổi quyền đối với thửa đất liền kề; giám diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên	Sở Nông nghiệp và Môi trường	05/09/2025
48	H15.50-250905-0293	1.012789.000.00.00.H15	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	05/09/2025
49	H15.50-250905-0291	1.011443.000.00.00.H15	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	Sở Nông nghiệp và Môi trường	05/09/2025
50	H15.50-250905-1751	1.012789.000.00.00.H15	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	05/09/2025
51	H15.50-250828-0557	1.013833.H15	Đăng ký biến động đối với trường hợp đổi tên hoặc thay đổi thông tin về người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc thay đổi số hiệu hoặc địa chỉ của thửa đất; thay đổi hạn chế quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc có thay đổi quyền đối với thửa đất liền kề; giám diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên	Sở Nông nghiệp và Môi trường	07/09/2025

STT	MÃ HỒ SƠ	MÃ TTHC	TÊN TTHC	ĐƠN VỊ XỬ LÝ	NGÀY TIẾP NHẬN
52	H15.50-250905-1752	1.013831.H15	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp mà không theo phương án dồn điền, đổi thửa; chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng; bán hoặc tặng cho hoặc để thừa kế hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm	Sở Nông nghiệp và Môi trường	08/09/2025
53	H15.50-250908-1733	2.001827.000.00.00.H15	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản	Sở Nông nghiệp và Môi trường	08/09/2025
54	H15.50-250908-1740	1.012784.000.00.00.H15	Tách thửa hoặc hợp thửa đất.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	08/09/2025
55	H15.50-250908-0929	1.013831.H15	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp mà không theo phương án dồn điền, đổi thửa; chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng; bán hoặc tặng cho hoặc để thừa kế hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm	Sở Nông nghiệp và Môi trường	08/09/2025
56	H15.50-250908-1731	1.011443.000.00.00.H15	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	Sở Nông nghiệp và Môi trường	08/09/2025
57	H15.50-250908-0930	1.013947.H15	Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp	Sở Nông nghiệp và Môi trường	08/09/2025
58	H15.50-250908-0926	1.013831.H15	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp mà không theo phương án dồn điền, đổi thửa; chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng; bán hoặc tặng cho hoặc để thừa kế hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm	Sở Nông nghiệp và Môi trường	08/09/2025
59	H15.50-250908-1745	1.012784.000.00.00.H15	Tách thửa hoặc hợp thửa đất.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	08/09/2025
60	H15.50-250908-0935	1.012789.000.00.00.H15	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	08/09/2025
61	H15.50-250908-0928	1.013831.H15	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp mà không theo phương án dồn điền, đổi thửa; chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng; bán hoặc tặng cho hoặc để thừa kế hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm	Sở Nông nghiệp và Môi trường	08/09/2025
62	H15.50-250908-1732	1.012784.000.00.00.H15	Tách thửa hoặc hợp thửa đất.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	08/09/2025
63	H15.50-250908-1741	1.012790.000.00.00.H15	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	08/09/2025
64	H15.50-250905-1603	1.011441.000.00.00.H15	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	Sở Nông nghiệp và Môi trường	08/09/2025
65	H15.50-250908-0841	1.013831.H15	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp mà không theo phương án dồn điền, đổi thửa; chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng; bán hoặc tặng cho hoặc để thừa kế hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm	Sở Nông nghiệp và Môi trường	08/09/2025
66	H15.50-250905-1601	1.011441.000.00.00.H15	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	Sở Nông nghiệp và Môi trường	08/09/2025
67	H15.50-250908-0927	1.012789.000.00.00.H15	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	08/09/2025

STT	MÃ HỒ SƠ	MÃ TTHC	TÊN TTHC	ĐƠN VỊ XỬ LÝ	NGÀY TIẾP NHẬN
68	H15.50-250905-1599	1.012790.000.00.00.H15	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	08/09/2025
69	H15.50-250906-0084	1.013831.H15	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp mà không theo phương án dồn điền, đổi thửa; chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng; bán hoặc tặng cho hoặc để thừa kế hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm	Sở Nông nghiệp và Môi trường	08/09/2025
70	H15.50-250908-1736	1.011443.000.00.00.H15	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	Sở Nông nghiệp và Môi trường	08/09/2025
71	H15.50-250908-0842	1.012789.000.00.00.H15	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	08/09/2025
72	H15.50-250908-0932	1.011441.000.00.00.H15	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	Sở Nông nghiệp và Môi trường	08/09/2025
73	H15.50-250908-0933	1.012789.000.00.00.H15	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	08/09/2025
74	H15.50-250908-1744	1.013831.H15	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp mà không theo phương án dồn điền, đổi thửa; chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng; bán hoặc tặng cho hoặc để thừa kế hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm	Sở Nông nghiệp và Môi trường	08/09/2025
75	H15.50-250908-0938	1.012789.000.00.00.H15	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	08/09/2025
76	H15.50-250908-0683	1.013831.H15	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp mà không theo phương án dồn điền, đổi thửa; chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng; bán hoặc tặng cho hoặc để thừa kế hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm	Sở Nông nghiệp và Môi trường	08/09/2025
77	H15.50-250909-1911	1.011441.000.00.00.H15	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	Sở Nông nghiệp và Môi trường	09/09/2025
78	H15.50-250905-1596	1.013947.H15	Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp	Sở Nông nghiệp và Môi trường	09/09/2025
79	H15.50-250909-1915	1.011443.000.00.00.H15	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	Sở Nông nghiệp và Môi trường	09/09/2025
80	H15.50-250909-1913	1.011441.000.00.00.H15	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	Sở Nông nghiệp và Môi trường	09/09/2025
81	H15.50-250909-1912	1.011443.000.00.00.H15	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	Sở Nông nghiệp và Môi trường	09/09/2025
82	H15.50-250908-1730	1.012783.000.00.00.H15	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	Sở Nông nghiệp và Môi trường	09/09/2025
83	H15.50-250908-1737	1.011443.000.00.00.H15	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	Sở Nông nghiệp và Môi trường	09/09/2025
84	H15.50-250909-0849	1.011441.000.00.00.H15	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	Sở Nông nghiệp và Môi trường	09/09/2025
85	H15.50-250908-0937	1.012784.000.00.00.H15	Tách thửa hoặc hợp thửa đất.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	09/09/2025
86	H15.50-250908-1739	1.012789.000.00.00.H15	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	09/09/2025
87	H15.50-250911-2281	1.012789.000.00.00.H15	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	12/09/2025
88	H15.50-250915-0263	1.013831.H15	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp mà không theo phương án dồn điền, đổi thửa; chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng; bán hoặc tặng cho hoặc để thừa kế hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm	Sở Nông nghiệp và Môi trường	15/09/2025

STT	MÃ HỒ SƠ	MÃ TTHC	TÊN TTHC	ĐƠN VỊ XỬ LÝ	NGÀY TIẾP NHẬN
89	H15.50-250916-0074	1.013831.H15	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp mà không theo phương án dồn điền, đổi thửa; chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng; bán hoặc tặng cho hoặc để thừa kế hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm	Sở Nông nghiệp và Môi trường	16/09/2025
90	H15.50-250916-0915	1.013831.H15	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp mà không theo phương án dồn điền, đổi thửa; chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng; bán hoặc tặng cho hoặc để thừa kế hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm	Sở Nông nghiệp và Môi trường	16/09/2025
91	H15.50-250916-0912	1.012783.000.00.00.H15	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	Sở Nông nghiệp và Môi trường	16/09/2025
92	H15.50-250916-1261	1.011443.000.00.00.H15	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	Sở Nông nghiệp và Môi trường	16/09/2025
93	H15.50-250916-0916	1.013831.H15	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp mà không theo phương án dồn điền, đổi thửa; chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng; bán hoặc tặng cho hoặc để thừa kế hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm	Sở Nông nghiệp và Môi trường	16/09/2025
94	H15.50-250916-0913	1.013831.H15	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp mà không theo phương án dồn điền, đổi thửa; chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng; bán hoặc tặng cho hoặc để thừa kế hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm	Sở Nông nghiệp và Môi trường	16/09/2025
95	H15.50-250921-0124	1.002338.000.00.00.H15	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	21/09/2025
96	H15.50-250922-1861	1.011443.000.00.00.H15	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	Sở Nông nghiệp và Môi trường	22/09/2025
97	H15.50-250922-1478	1.011441.000.00.00.H15	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	Sở Nông nghiệp và Môi trường	22/09/2025
98	H15.50-250922-1477	1.013831.H15	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp mà không theo phương án dồn điền, đổi thửa; chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng; bán hoặc tặng cho hoặc để thừa kế hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm	Sở Nông nghiệp và Môi trường	22/09/2025
99	H15.50-250921-0142	1.012783.000.00.00.H15	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	Sở Nông nghiệp và Môi trường	23/09/2025
100	H15.50-250923-0298	1.011443.000.00.00.H15	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	Sở Nông nghiệp và Môi trường	23/09/2025
101	H15.50-250924-0765	1.012789.000.00.00.H15	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	24/09/2025

STT	MÃ HỒ SƠ	MÃ TTHC	TÊN TTHC	ĐƠN VỊ XỬ LÝ	NGÀY TIẾP NHẬN
102	H15.50-250924-1501	1.011441.000.00.00.H15	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	Sở Nông nghiệp và Môi trường	24/09/2025
103	H15.50-250924-2482	1.012789.000.00.00.H15	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	24/09/2025
104	H15.50-250924-2487	1.012789.000.00.00.H15	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	24/09/2025
105	H15.50-250925-1689	1.012789.000.00.00.H15	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	25/09/2025
106	H15.50-250925-1407	1.013831.H15	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp mà không theo phương án dồn điền, đổi thửa; chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng; bán hoặc tặng cho hoặc để thừa kế hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm	Sở Nông nghiệp và Môi trường	26/09/2025
107	H15.50-250925-1577	1.011441.000.00.00.H15	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	Sở Nông nghiệp và Môi trường	26/09/2025
108	H15.50-250925-1408	1.012789.000.00.00.H15	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	26/09/2025
109	H15.50-250925-1579	1.013831.H15	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp mà không theo phương án dồn điền, đổi thửa; chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng; bán hoặc tặng cho hoặc để thừa kế hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm	Sở Nông nghiệp và Môi trường	26/09/2025
110	H15.50-250928-0093	1.012783.000.00.00.H15	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	Sở Nông nghiệp và Môi trường	29/09/2025
111	H15.50-250928-0113	1.013831.H15	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp mà không theo phương án dồn điền, đổi thửa; chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng; bán hoặc tặng cho hoặc để thừa kế hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm	Sở Nông nghiệp và Môi trường	29/09/2025
112	H15.50-250929-1910	1.013823.H15	Giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; trường hợp giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; giao đất và giao rừng; cho thuê đất và cho thuê rừng; gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất	Sở Nông nghiệp và Môi trường	29/09/2025
113	H15.50-250925-1588	1.013831.H15	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp mà không theo phương án dồn điền, đổi thửa; chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng; bán hoặc tặng cho hoặc để thừa kế hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm	Sở Nông nghiệp và Môi trường	29/09/2025
114	H15.50-250927-0001	1.012784.000.00.00.H15	Tách thửa hoặc hợp thửa đất.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	30/09/2025
115	H15.50-250930-2157	1.012784.000.00.00.H15	Tách thửa hoặc hợp thửa đất.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	30/09/2025
116	H15.12-250919-3114	2.002041	Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Sở Tài chính	19/09/2025
117	H15.12-250920-3037	2.002020	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	Sở Tài chính	20/09/2025
118	H15.12-250922-3065	2.002045	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	Sở Tài chính	22/09/2025

STT	MÃ HỒ SƠ	MÃ TTHC	TÊN TTHC	ĐƠN VỊ XỬ LÝ	NGÀY TIẾP NHẬN
119	H15.12-250922-3019	2.002023	Giải thể doanh nghiệp	Sở Tài chính	22/09/2025
120	H15.12-250922-3056	2.001199	Đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên	Sở Tài chính	22/09/2025
121	H15.12-250922-3039	2.002045	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	Sở Tài chính	22/09/2025
122	H15.12-250922-3022	2.001610	Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp	Sở Tài chính	22/09/2025
123	H15.12-250922-3014	2.001583	Đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên	Sở Tài chính	22/09/2025
124	H15.12-250922-3149	2.002041	Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Sở Tài chính	22/09/2025
125	H15.12-250922-3160	2.002041	Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Sở Tài chính	22/09/2025
126	H15.12-250923-3034	2.002020	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	Sở Tài chính	23/09/2025
127	H15.12-250920-3013	2.002072	Thông báo lập địa điểm kinh doanh	Sở Tài chính	23/09/2025
128	H15.12-250923-3086	2.002041	Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Sở Tài chính	23/09/2025
129	H15.12-250923-3107	2.001583	Đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên	Sở Tài chính	23/09/2025
130	H15.12-250923-3108	2.002041	Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Sở Tài chính	23/09/2025
131	H15.12-250923-3109	2.001610	Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp	Sở Tài chính	23/09/2025
132	H15.12-250922-3031	2.002072	Thông báo lập địa điểm kinh doanh	Sở Tài chính	23/09/2025
133	H15.12-250923-3114	2.002023	Giải thể doanh nghiệp	Sở Tài chính	23/09/2025
134	H15.12-250923-3054	2.002041	Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Sở Tài chính	23/09/2025
135	H15.12-250923-3059	2.002020	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	Sở Tài chính	23/09/2025
136	H15.12-250923-3063	2.002072	Thông báo lập địa điểm kinh doanh	Sở Tài chính	23/09/2025
137	H15.12-250923-3057	2.002041	Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Sở Tài chính	23/09/2025
138	000.00.13.H15-251002-0007	2.002206	Thủ tục đăng ký mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách	Sở Tài chính	23/09/2025
139	000.00.13.H15-251002-0012	2.002206	Thủ tục đăng ký mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách	Sở Tài chính	23/09/2025
140	000.00.13.H15-251002-0004	2.002206	Thủ tục đăng ký mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách	Sở Tài chính	23/09/2025
141	000.00.13.H15-251002-0010	2.002206	Thủ tục đăng ký mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách	Sở Tài chính	23/09/2025
142	000.00.13.H15-251002-0009	2.002206	Thủ tục đăng ký mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách	Sở Tài chính	23/09/2025
143	000.00.13.H15-251002-0006	2.002206	Thủ tục đăng ký mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách	Sở Tài chính	23/09/2025
144	000.00.13.H15-251002-0014	2.002206	Thủ tục đăng ký mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách	Sở Tài chính	23/09/2025
145	000.00.13.H15-251002-0013	2.002206	Thủ tục đăng ký mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách	Sở Tài chính	23/09/2025
146	000.00.13.H15-251002-0003	2.002206	Thủ tục đăng ký mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách	Sở Tài chính	23/09/2025
147	000.00.13.H15-251002-0005	2.002206	Thủ tục đăng ký mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách	Sở Tài chính	23/09/2025
148	000.00.13.H15-251002-0015	2.002206	Thủ tục đăng ký mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách	Sở Tài chính	23/09/2025
149	000.00.13.H15-251002-0011	2.002206	Thủ tục đăng ký mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách	Sở Tài chính	23/09/2025
150	000.00.13.H15-251002-0002	2.002206	Thủ tục đăng ký mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách	Sở Tài chính	23/09/2025
151	000.00.13.H15-251002-0001	2.002206	Thủ tục đăng ký mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách	Sở Tài chính	23/09/2025
152	H15.12-250924-3133	2.002041	Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Sở Tài chính	24/09/2025
153	H15.12-250924-3043	2.001199	Đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên	Sở Tài chính	24/09/2025
154	H15.12-250919-3086	2.002033	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	Sở Tài chính	24/09/2025
155	H15.12-250922-3081	2.002045	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	Sở Tài chính	24/09/2025
156	H15.12-250920-3034	2.002008	Đăng ký thay đổi thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	Sở Tài chính	24/09/2025

STT	MÃ HỒ SƠ	MÃ TTHC	TÊN TTHC	ĐƠN VỊ XỬ LÝ	NGÀY TIẾP NHẬN
157	H15.12-250919-3087	2.002041	Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Sở Tài chính	24/09/2025
158	H15.12-250924-3106	2.001583	Đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên	Sở Tài chính	24/09/2025
159	H15.12-250924-3003	2.002041	Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Sở Tài chính	24/09/2025
160	H15.12-250924-3018	2.002041	Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Sở Tài chính	24/09/2025
161	H15.12-250924-3114	2.002041	Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Sở Tài chính	24/09/2025
162	H15.12-250924-3052	2.001583	Đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên	Sở Tài chính	24/09/2025
163	H15.12-250922-3120	2.001583	Đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên	Sở Tài chính	24/09/2025
164	H15.12-250924-3077	2.001610	Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp	Sở Tài chính	24/09/2025
165	H15.12-250924-3007	2.002023	Giải thể doanh nghiệp	Sở Tài chính	24/09/2025
166	H15.12-250924-3137	2.002041	Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Sở Tài chính	24/09/2025
167	H15.12-250924-3071	2.001583	Đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên	Sở Tài chính	24/09/2025
168	H15.12-250924-3062	2.002041	Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Sở Tài chính	24/09/2025
169	H15.12-250924-3135	2.001954	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký thuế (trừ thay đổi phương pháp tính thuế)	Sở Tài chính	24/09/2025
170	H15.12-250924-3142	2.001583	Đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên	Sở Tài chính	24/09/2025
171	H15.12-250924-3145	2.001583	Đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên	Sở Tài chính	24/09/2025
172	H15.12-250924-3149	2.002041	Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Sở Tài chính	24/09/2025
173	H15.12-250924-3147	2.002041	Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Sở Tài chính	24/09/2025
174	H15.12-250924-3148	2.002041	Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Sở Tài chính	24/09/2025
175	H15.12-250924-3061	2.002033	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	Sở Tài chính	24/09/2025
176	H15.12-250924-3000	2.002041	Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Sở Tài chính	24/09/2025
177	H15.12-250924-3143	2.002041	Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Sở Tài chính	24/09/2025
178	000.00.13.H15-251002-0008	2.002206	Thủ tục đăng ký mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách	Sở Tài chính	24/09/2025
179	000.00.13.H15-251002-0016	2.002206	Thủ tục đăng ký mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách	Sở Tài chính	24/09/2025
180	H15.12-250925-3002	2.002023	Giải thể doanh nghiệp	Sở Tài chính	25/09/2025
181	H15.12-250921-3015	2.001583	Đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên	Sở Tài chính	25/09/2025
182	H15.12-250921-3013	2.001583	Đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên	Sở Tài chính	25/09/2025
183	H15.12-250925-3066	2.002020	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	Sở Tài chính	25/09/2025
184	H15.12-250925-3064	2.001199	Đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên	Sở Tài chính	25/09/2025
185	H15.12-250925-3065	2.002020	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	Sở Tài chính	25/09/2025
186	H15.12-250925-3011	2.002041	Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Sở Tài chính	25/09/2025
187	H15.12-250923-3055	2.002041	Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Sở Tài chính	25/09/2025
188	H15.12-250925-3133	2.002041	Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Sở Tài chính	25/09/2025
189	H15.12-250925-3139	2.001583	Đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên	Sở Tài chính	25/09/2025
190	H15.12-250923-3099	2.001583	Đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên	Sở Tài chính	25/09/2025

STT	MÃ HỒ SƠ	MÃ TTHC	TÊN TTHC	ĐƠN VỊ XỬ LÝ	NGÀY TIẾP NHẬN
191	H15.12-250925-3050	2.002041	Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Sở Tài chính	25/09/2025
192	H15.12-250923-3040	2.002041	Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Sở Tài chính	25/09/2025
193	H15.12-250922-3025	2.002045	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	Sở Tài chính	25/09/2025
194	H15.12-250925-3100	2.002041	Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Sở Tài chính	25/09/2025
195	H15.12-250925-3084	2.001583	Đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên	Sở Tài chính	25/09/2025
196	H15.12-250925-3105	2.002023	Giải thể doanh nghiệp	Sở Tài chính	25/09/2025
197	H15.12-250922-3060	2.002041	Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Sở Tài chính	25/09/2025
198	H15.12-250922-3063	2.002041	Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Sở Tài chính	25/09/2025
199	H15.12-250925-3108	2.002041	Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Sở Tài chính	25/09/2025
200	H15.12-250925-3087	2.002041	Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Sở Tài chính	25/09/2025
201	H15.12-250919-3105	2.001199	Đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên	Sở Tài chính	25/09/2025
202	H15.12-250923-3032	2.002069	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Sở Tài chính	25/09/2025
203	H15.12-250925-3102	2.002041	Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Sở Tài chính	25/09/2025
204	H15.12-250925-3099	2.002041	Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Sở Tài chính	25/09/2025
205	H15.12-250925-3052	2.002072	Thông báo lập địa điểm kinh doanh	Sở Tài chính	25/09/2025
206	H15.12-250924-3022	2.001610	Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp	Sở Tài chính	25/09/2025
207	H15.12-250925-3036	2.002072	Thông báo lập địa điểm kinh doanh	Sở Tài chính	25/09/2025
208	H15.12-250925-3080	2.002041	Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Sở Tài chính	25/09/2025
209	H15.12-250925-3083	2.002041	Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Sở Tài chính	25/09/2025
210	H15.12-250925-3141	2.002041	Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Sở Tài chính	25/09/2025
211	H15.12-250925-3078	2.001583	Đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên	Sở Tài chính	25/09/2025
212	H15.12-250925-3096	2.002023	Giải thể doanh nghiệp	Sở Tài chính	25/09/2025
213	H15.12-250924-3138	2.002029	Thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo (doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh)	Sở Tài chính	25/09/2025
214	H15.12-250922-3117	2.002008	Đăng ký thay đổi thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	Sở Tài chính	25/09/2025
215	H15.12-250923-3052	2.001583	Đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên	Sở Tài chính	25/09/2025
216	H15.12-250922-3150	2.002041	Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Sở Tài chính	25/09/2025
217	H15.12-250925-3116	2.002041	Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Sở Tài chính	25/09/2025
218	H15.12-250925-3122	2.002041	Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Sở Tài chính	25/09/2025
219	H15.12-250923-3027	2.002041	Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Sở Tài chính	26/09/2025
220	H15.12-250924-3099	2.002045	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	Sở Tài chính	26/09/2025
221	H15.12-250926-3066	2.002041	Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Sở Tài chính	26/09/2025

STT	MÃ HỒ SƠ	MÃ TTHC	TÊN TTHC	ĐƠN VỊ XỬ LÝ	NGÀY TIẾP NHẬN
222	H15.12-250926-3137	2.002010	Đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần	Sở Tài chính	26/09/2025
223	H15.12-250926-3131	2.001583	Đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên	Sở Tài chính	26/09/2025
224	H15.12-250920-3006	2.002072	Thông báo lập địa điểm kinh doanh	Sở Tài chính	26/09/2025
225	H15.12-250926-3133	2.002023	Giải thể doanh nghiệp	Sở Tài chính	26/09/2025
226	H15.12-250926-3079	2.002023	Giải thể doanh nghiệp	Sở Tài chính	26/09/2025
227	H15.12-250926-3109	2.001199	Đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên	Sở Tài chính	26/09/2025
228	H15.12-250926-3017	2.002041	Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Sở Tài chính	26/09/2025
229	H15.12-250924-3027	2.001954	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký thuế (trừ thay đổi phương pháp tính thuế)	Sở Tài chính	26/09/2025
230	H15.12-250926-3069	2.002029	Thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo (doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh)	Sở Tài chính	26/09/2025
231	H15.12-250923-3068	2.002045	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	Sở Tài chính	26/09/2025
232	H15.12-250925-3121	2.002029	Thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo (doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh)	Sở Tài chính	26/09/2025
233	H15.12-250926-3077	2.001610	Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp	Sở Tài chính	26/09/2025
234	H15.12-250926-3063	2.002069	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Sở Tài chính	26/09/2025
235	H15.12-250926-3027	2.001954	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký thuế (trừ thay đổi phương pháp tính thuế)	Sở Tài chính	26/09/2025
236	H15.12-250926-3156	2.002045	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	Sở Tài chính	26/09/2025
237	H15.12-250926-3138	2.002041	Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Sở Tài chính	26/09/2025
238	H15.12-250926-3157	2.002045	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	Sở Tài chính	26/09/2025
239	H15.12-250926-3158	2.002045	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	Sở Tài chính	26/09/2025
240	H15.12-250926-3118	2.002041	Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Sở Tài chính	26/09/2025
241	H15.12-250924-3082	2.002069	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Sở Tài chính	26/09/2025
242	H15.12-250926-3132	2.002041	Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Sở Tài chính	26/09/2025
243	H15.12-250919-3106	2.002041	Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Sở Tài chính	26/09/2025
244	H15.12-250926-3113	2.002072	Thông báo lập địa điểm kinh doanh	Sở Tài chính	26/09/2025
245	H15.12-250926-3124	2.002072	Thông báo lập địa điểm kinh doanh	Sở Tài chính	26/09/2025
246	H15.12-250926-3054	2.002072	Thông báo lập địa điểm kinh doanh	Sở Tài chính	26/09/2025
247	H15.12-250926-3094	2.002072	Thông báo lập địa điểm kinh doanh	Sở Tài chính	26/09/2025
248	H15.12-250926-3060	2.002072	Thông báo lập địa điểm kinh doanh	Sở Tài chính	26/09/2025
249	H15.12-250926-3119	2.002072	Thông báo lập địa điểm kinh doanh	Sở Tài chính	26/09/2025
250	H15.12-250923-3002	2.002041	Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Sở Tài chính	26/09/2025
251	H15.12-250926-3019	2.002041	Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Sở Tài chính	26/09/2025
252	H15.12-250922-3049	2.001199	Đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên	Sở Tài chính	26/09/2025
253	H15.12-250926-3171	2.002072	Thông báo lập địa điểm kinh doanh	Sở Tài chính	26/09/2025
254	H15.12-250926-3102	2.002045	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	Sở Tài chính	26/09/2025
255	H15.12-250926-3047	2.002041	Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Sở Tài chính	26/09/2025
256	H15.12-250924-3128	2.002041	Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Sở Tài chính	26/09/2025

STT	MÃ HỒ SƠ	MÃ TTHC	TÊN TTHC	ĐƠN VỊ XỬ LÝ	NGÀY TIẾP NHẬN
257	H15.12-250926-3153	2.002029	Thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo (doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh)	Sở Tài chính	26/09/2025
258	H15.12-250926-3032	2.002000	Đăng ký thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân trong trường hợp bán, tặng cho doanh nghiệp, chủ doanh nghiệp chết	Sở Tài chính	26/09/2025
259	H15.12-250926-3007	2.002041	Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Sở Tài chính	26/09/2025
260	H15.12-250925-3073	2.002072	Thông báo lập địa điểm kinh doanh	Sở Tài chính	26/09/2025
261	H15.12-250924-3017	2.002045	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	Sở Tài chính	26/09/2025
262	H15.12-250926-3004	2.002020	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	Sở Tài chính	26/09/2025
263	H15.12-250926-3044	2.002045	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	Sở Tài chính	26/09/2025
264	H15.12-250926-3042	2.002045	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	Sở Tài chính	26/09/2025
265	H15.12-250926-3052	2.001610	Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp	Sở Tài chính	26/09/2025
266	H15.12-250922-3147	2.002041	Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Sở Tài chính	26/09/2025
267	H15.12-250924-3124	2.001996	Thông báo thay đổi ngành, nghề kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Sở Tài chính	26/09/2025
268	H15.12-250926-3078	2.001954	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký thuế (trừ thay đổi phương pháp tính thuế)	Sở Tài chính	26/09/2025
269	H15.12-250926-3071	2.001954	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký thuế (trừ thay đổi phương pháp tính thuế)	Sở Tài chính	26/09/2025
270	H15.12-250926-3165	2.002041	Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Sở Tài chính	26/09/2025
271	H15.12-250926-3041	2.002041	Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Sở Tài chính	26/09/2025
272	H15.12-250926-3037	2.002041	Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Sở Tài chính	26/09/2025
273	H15.12-250929-3038	2.001610	Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp	Sở Tài chính	29/09/2025
274	H15.12-250924-3118	2.001583	Đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên	Sở Tài chính	29/09/2025
275	H15.12-250923-3031	2.001199	Đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên	Sở Tài chính	29/09/2025
276	H15.14-250908-0003	2.000635.000.00.00.H15	Cấp bản sao trích lục hộ tịch	Sở Tư pháp	09/09/2025
277	H15.17-250820-0038	1.012280.000.00.00.H15	Điều chỉnh giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh	Sở Y tế	03/09/2025
278	H15.17-250904-0039	1.012275.000.00.00.H15	Đăng ký hành nghề	Sở Y tế	04/09/2025
279	H15.17-250903-0060	1.014203.H15	Thẩm định điều kiện về cơ sở vật chất kỹ thuật, nhân sự và đánh giá đáp ứng thực hành tốt đối với cơ sở có hoạt động phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc không vì mục đích thương mại (trường hợp cơ sở có đề nghị); Đánh giá định kỳ, đánh giá kiểm soát thay đổi về điều kiện cơ sở vật chất, kỹ thuật, nhân sự đối với cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc, cơ sở bán lẻ thuốc.	Sở Y tế	04/09/2025
280	H15.17-250904-0052	2.000655.000.00.00.H15	Công bố cơ sở đủ điều kiện tiêm chủng	Sở Y tế	04/09/2025
281	H15.17-250908-0031	1.012275.000.00.00.H15	Đăng ký hành nghề	Sở Y tế	08/09/2025
282	H15.170-250904-0028	2.000815.000.00.00.H15	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	UBND phường Bình Kiến	04/09/2025
283	H15.170-250916-0027	1.013978.H15	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài	UBND phường Bình Kiến	16/09/2025
284	H15.106-250903-0001	1.013225.000.00.00.H15	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp III, cấp IV (Công trình không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tin ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	UBND phường Buôn Hồ	03/09/2025

STT	MÃ HỒ SƠ	MÃ TTHC	TÊN TTHC	ĐƠN VỊ XỬ LÝ	NGÀY TIẾP NHẬN
285	H15.106-250903-0088	1.004884.000.00.00.H15	Thủ tục đăng ký lại khai sinh	UBND phường Buôn Hồ	03/09/2025
286	H15.106-250904-0062	2.000806.000.00.00.H15	Thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	UBND phường Buôn Hồ	04/09/2025
287	H15.106-250904-0041	1.001612.000.00.00.H15	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh	UBND phường Buôn Hồ	04/09/2025
288	H15.106-250909-0046	2.001035.000.00.00.H15	Thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	UBND phường Buôn Hồ	09/09/2025
289	H15.100-250902-0005	2.000635.000.00.00.H15	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch, bản sao Giấy khai sinh	UBND phường Buôn Ma Thuột	02/09/2025
290	H15.100-250904-0056	2.000815.000.00.00.H15	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	UBND phường Buôn Ma Thuột	04/09/2025
291	H15.100-250904-0012	1.000656.000.00.00.H15	Thủ tục đăng ký khai tử	UBND phường Buôn Ma Thuột	04/09/2025
292	H15.100-250904-0126	1.001193.000.00.00.H15	Thủ tục đăng ký khai sinh	UBND phường Buôn Ma Thuột	04/09/2025
293	H15.100-250909-0102	1.001266.000.00.00.H15	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh	UBND phường Buôn Ma Thuột	09/09/2025
294	H15.100-250908-0099	1.001612.000.00.00.H15	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh	UBND phường Buôn Ma Thuột	09/09/2025
295	H15.100-250923-0013	1.013225.000.00.00.H15	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp III, cấp IV (Công trình không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tin ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	UBND phường Buôn Ma Thuột	23/09/2025
296	H15.107-250904-0035	1.001193.000.00.00.H15	Thủ tục đăng ký khai sinh	UBND phường Cư Bao	04/09/2025
297	H15.173-250903-0090	2.000815.000.00.00.H15	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	UBND phường Đồng Hòa	03/09/2025
298	H15.173-250903-0103	2.000884.000.00.00.H15	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)	UBND phường Đồng Hòa	03/09/2025
299	H15.173-250903-0105	2.000815.000.00.00.H15	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	UBND phường Đồng Hòa	04/09/2025
300	H15.173-250903-0104	2.000815.000.00.00.H15	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	UBND phường Đồng Hòa	04/09/2025
301	H15.173-250905-0041	2.000815.000.00.00.H15	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	UBND phường Đồng Hòa	05/09/2025
302	H15.173-250905-0079	1.001193.000.00.00.H15	Thủ tục đăng ký khai sinh	UBND phường Đồng Hòa	05/09/2025
303	H15.173-250908-0041	2.000884.000.00.00.H15	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)	UBND phường Đồng Hòa	08/09/2025
304	H15.174-250903-0098	1.001776.000.00.00.H15	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng	UBND phường Hòa Hiệp	03/09/2025
305	H15.174-250904-0106	1.013949.H15	Giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; trường hợp giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; giao đất và giao rừng; cho thuê đất và cho thuê rừng, gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất	UBND phường Hòa Hiệp	04/09/2025

STT	MÃ HỒ SƠ	MÃ TTHC	TÊN TTHC	ĐƠN VỊ XỬ LÝ	NGÀY TIẾP NHẬN
306	H15.174-250908-0111	1.013978.H15	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài	UBND phường Hòa Hiệp	08/09/2025
307	H15.174-250908-0065	2.000884.000.00.00.H15	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)	UBND phường Hòa Hiệp	08/09/2025
308	H15.174-250908-0110	2.000635.000.00.00.H15	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch, bản sao Giấy khai sinh	UBND phường Hòa Hiệp	09/09/2025
309	H15.174-250915-0016	2.000815.000.00.00.H15	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	UBND phường Hòa Hiệp	15/09/2025
310	H15.174-250929-0044	2.000815.000.00.00.H15	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	UBND phường Hòa Hiệp	29/09/2025
311	H15.169-250903-0065	2.000815.000.00.00.H15	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	UBND phường Phú Yên	03/09/2025
312	H15.169-250903-0066	1.013949.H15	Giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; trường hợp giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; giao đất và giao rừng; cho thuê đất và cho thuê rừng, gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất	UBND phường Phú Yên	03/09/2025
313	H15.169-250903-0067	1.014028.H15	Hỗ trợ chi phí mai táng đối với đối tượng hưởng trợ cấp hưu trí xã hội	UBND phường Phú Yên	03/09/2025
314	H15.169-250903-0037	1.014027.H15	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp hưu trí xã hội	UBND phường Phú Yên	03/09/2025
315	H15.169-250904-0069	1.004873.000.00.00.H15	Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	UBND phường Phú Yên	05/09/2025
316	H15.169-250908-0046	2.000815.000.00.00.H15	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	UBND phường Phú Yên	08/09/2025
317	H15.169-250916-0035	2.000815.000.00.00.H15	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	UBND phường Phú Yên	16/09/2025
318	H15.101-250908-0047	1.000894.000.00.00.H15	Thủ tục đăng ký kết hôn	UBND phường Tân An	08/09/2025
319	H15.102-250905-0005	1.001193.000.00.00.H15	Thủ tục đăng ký khai sinh	UBND phường Tân Lập	05/09/2025
320	H15.102-250911-0027	1.013978.H15	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài	UBND phường Tân Lập	11/09/2025
321	H15.168-250904-0104	1.004884.000.00.00.H15	Thủ tục đăng ký lại khai sinh	UBND phường Tuy Hòa	04/09/2025
322	H15.168-250904-0103	1.013978.H15	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài	UBND phường Tuy Hòa	04/09/2025
323	H15.168-250908-0134	1.001266.000.00.00.H15	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh	UBND phường Tuy Hòa	08/09/2025

STT	MÃ HỒ SƠ	MÃ TTHC	TÊN TTHC	ĐƠN VỊ XỬ LÝ	NGÀY TIẾP NHẬN
324	H15.168-250909-0012	2.000815.000.00.00.H15	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	UBND phường Tuy Hòa	09/09/2025
325	H15.168-250927-0004	2.000815.000.00.00.H15	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	UBND phường Tuy Hòa	29/09/2025
326	H15.168-250927-0010	2.000815.000.00.00.H15	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	UBND phường Tuy Hòa	29/09/2025
327	H15.168-250927-0001	2.000815.000.00.00.H15	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	UBND phường Tuy Hòa	29/09/2025
328	H15.168-250927-0007	2.000815.000.00.00.H15	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	UBND phường Tuy Hòa	29/09/2025
329	H15.168-250927-0005	2.000815.000.00.00.H15	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	UBND phường Tuy Hòa	29/09/2025
330	H15.168-250927-0003	2.000815.000.00.00.H15	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	UBND phường Tuy Hòa	29/09/2025
331	H15.168-250927-0006	2.000815.000.00.00.H15	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	UBND phường Tuy Hòa	29/09/2025
332	H15.168-250927-0002	2.000815.000.00.00.H15	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	UBND phường Tuy Hòa	29/09/2025
333	H15.171-250908-0016	1.013949.H15	Giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; trường hợp giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; giao đất và giao rừng; cho thuê đất và cho thuê rừng, gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất	UBND phường Xuân Đài	08/09/2025
334	H15.115-250903-0038	1.004859.000.00.00.H15	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc	UBND xã Cuôr Đăng	03/09/2025
335	H15.115-250903-0037	1.004859.000.00.00.H15	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc	UBND xã Cuôr Đăng	03/09/2025
336	H15.115-250903-0012	2.000635.000.00.00.H15	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch, bản sao Giấy khai sinh	UBND xã Cuôr Đăng	03/09/2025
337	H15.115-250904-0035	2.002481.000.00.00.H15	Chuyển trường đối với học sinh trung học cơ sở.	UBND xã Cuôr Đăng	04/09/2025

STT	MÃ HỒ SƠ	MÃ TTHC	TÊN TTHC	ĐƠN VỊ XỬ LÝ	NGÀY TIẾP NHẬN
338	H15.115-250904-0012	2.000815.000.00.00.H15	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	UBND xã Cuôr Đăng	04/09/2025
339	H15.116-250926-0002	1.004873.000.00.00.H15	Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	UBND xã Cư M'gar	26/09/2025
340	H15.164-250831-0001	1.001193.000.00.00.H15	Thủ tục đăng ký khai sinh	UBND xã Cư Mta	03/09/2025
341	H15.164-250904-0013	2.000815.000.00.00.H15	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	UBND xã Cư Mta	04/09/2025
342	H15.164-250905-0026	2.000815.000.00.00.H15	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	UBND xã Cư Mta	05/09/2025
343	H15.164-250930-0041	2.000815.000.00.00.H15	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	UBND xã Cư Mta	30/09/2025
344	H15.138-250904-0010	1.013978.H15	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài	UBND xã Cư Pong	04/09/2025
345	H15.138-250905-0045	1.001776.000.00.00.H15	Thực hiện, điều chỉnh, thời hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng	UBND xã Cư Pong	05/09/2025
346	H15.138-250908-0045	2.000815.000.00.00.H15	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	UBND xã Cư Pong	08/09/2025
347	H15.138-250908-0056	2.000815.000.00.00.H15	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	UBND xã Cư Pong	08/09/2025
348	H15.138-250908-0055	1.013949.H15	Giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; trường hợp giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; giao đất và giao rừng; cho thuê đất và cho thuê rừng, gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất	UBND xã Cư Pong	08/09/2025
349	H15.138-250908-0032	1.014027.H15	Thực hiện, điều chỉnh, thời hưởng trợ cấp hưu trí xã hội	UBND xã Cư Pong	08/09/2025
350	H15.143-250904-0088	2.000815.000.00.00.H15	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	UBND xã Cư Pui	04/09/2025
351	H15.143-250905-0008	2.000884.000.00.00.H15	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)	UBND xã Cư Pui	05/09/2025

STT	MÃ HỒ SƠ	MÃ TTHC	TÊN TTHC	ĐƠN VỊ XỬ LÝ	NGÀY TIẾP NHẬN
352	H15.143-250804-0121	2.000815.000.00.00.H15	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	UBND xã Cư Pui	08/09/2025
353	H15.143-250908-0078	1.001193.000.00.00.H15	Thủ tục đăng ký khai sinh	UBND xã Cư Pui	08/09/2025
354	H15.143-250909-0106	2.000635.000.00.00.H15	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch, bản sao Giấy khai sinh	UBND xã Cư Pui	09/09/2025
355	H15.143-250916-0066	2.000815.000.00.00.H15	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	UBND xã Cư Pui	16/09/2025
356	H15.148-250903-0075	1.013949.H15	Giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; trường hợp giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; giao đất và giao rừng; cho thuê đất và cho thuê rừng, gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất	UBND xã Dliê Ya	03/09/2025
357	H15.148-250904-0106	2.000815.000.00.00.H15	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	UBND xã Dliê Ya	04/09/2025
358	H15.148-250908-0060	2.000815.000.00.00.H15	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	UBND xã Dliê Ya	08/09/2025
359	H15.148-250908-0059	2.000815.000.00.00.H15	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	UBND xã Dliê Ya	08/09/2025
360	H15.148-250908-0017	2.000635.000.00.00.H15	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch, bản sao Giấy khai sinh	UBND xã Dliê Ya	08/09/2025
361	H15.148-250916-0040	2.000815.000.00.00.H15	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	UBND xã Dliê Ya	16/09/2025
362	H15.119-250905-0068	2.000635.000.00.00.H15	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch, bản sao Giấy khai sinh	UBND xã Dray Bhang	05/09/2025
363	H15.119-250911-0010	2.000884.000.00.00.H15	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)	UBND xã Dray Bhang	11/09/2025
364	H15.160-250908-0004	2.001035.000.00.00.H15	Thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	UBND xã Đăk Phoi	08/09/2025
365	H15.201-250908-0043	2.000815.000.00.00.H15	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	UBND xã Đồng Xuân	08/09/2025
366	H15.201-250905-0043	2.001035.000.00.00.H15	Thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	UBND xã Đồng Xuân	08/09/2025
367	H15.195-250909-0014	2.001035.000.00.00.H15	Thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	UBND xã Ea Bá	09/09/2025
368	H15.195-250915-0039	1.012796.000.00.00.H15	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu có sai sót	UBND xã Ea Bá	15/09/2025

STT	MÃ HỒ SƠ	MÃ TTHC	TÊN TTHC	ĐƠN VỊ XỬ LÝ	NGÀY TIẾP NHẬN
369	H15.127-250904-0030	1.013949.H15	Giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; trường hợp giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; giao đất và giao rừng; cho thuê đất và cho thuê rừng, gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất	UBND xã Ea Drăng	04/09/2025
370	H15.127-250904-0013	2.000884.000.00.00.H15	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)	UBND xã Ea Drăng	04/09/2025
371	H15.127-250905-0064	1.004884.000.00.00.H15	Thủ tục đăng ký lại khai sinh	UBND xã Ea Drăng	05/09/2025
372	H15.127-250908-0078	2.000884.000.00.00.H15	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)	UBND xã Ea Drăng	08/09/2025
373	H15.129-250905-0011	1.013978.H15	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài	UBND xã Ea HLeo	05/09/2025
374	H15.129-250908-0007	1.013949.H15	Giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; trường hợp giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; giao đất và giao rừng; cho thuê đất và cho thuê rừng, gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất	UBND xã Ea HLeo	08/09/2025
375	H15.121-250904-0035	1.001193.000.00.00.H15	Thủ tục đăng ký khai sinh	UBND xã Ea Kar	04/09/2025
376	H15.121-250904-0034	1.004884.000.00.00.H15	Thủ tục đăng ký lại khai sinh	UBND xã Ea Kar	04/09/2025
377	H15.121-250908-0026	1.012817.000.00.00.H15	Xác định lại diện tích đất ở của hộ gia đình, cá nhân đã được cấp Giấy chứng nhận trước ngày 01 tháng 7 năm 2004	UBND xã Ea Kar	08/09/2025
378	H15.121-250909-0054	2.000635.000.00.00.H15	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch, bản sao Giấy khai sinh	UBND xã Ea Kar	09/09/2025
379	H15.121-250927-0002	1.005461.000.00.00.H15	Đăng ký lại khai tử	UBND xã Ea Kar	27/09/2025
380	H15.121-250927-0003	1.005461.000.00.00.H15	Đăng ký lại khai tử	UBND xã Ea Kar	27/09/2025
381	H15.112-250916-0006	1.001699.000.00.00.H15	Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật	UBND xã Ea Kiết	16/09/2025
382	H15.155-250825-0057	1.013978.H15	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài	UBND xã Ea Kly	06/09/2025
383	H15.155-250908-0043	1.012817.000.00.00.H15	Xác định lại diện tích đất ở của hộ gia đình, cá nhân đã được cấp Giấy chứng nhận trước ngày 01 tháng 7 năm 2004	UBND xã Ea Kly	09/09/2025
384	H15.123-250814-0007	1.012818.000.00.00.H15	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện và cấp lại Giấy chứng nhận sau khi thu hồi	UBND xã Ea Knốp	04/09/2025
385	H15.123-250904-0035	2.000913.000.00.00.H15	Thủ tục chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	UBND xã Ea Knốp	04/09/2025
386	H15.123-250915-0014	2.000884.000.00.00.H15	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)	UBND xã Ea Knốp	15/09/2025
387	H15.123-250915-0016	2.000884.000.00.00.H15	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)	UBND xã Ea Knốp	15/09/2025
388	H15.123-250925-0021	1.000656.000.00.00.H15	Thủ tục đăng ký khai tử	UBND xã Ea Knốp	26/09/2025
389	H15.152-250903-0060	2.000815.000.00.00.H15	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	UBND xã Ea Khuế	03/09/2025

STT	MÃ HỒ SƠ	MÃ TTHC	TÊN TTHC	ĐƠN VỊ XỬ LÝ	NGÀY TIẾP NHẬN
390	H15.152-250905-0047	2.000815.000.00.00.H15	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	UBND xã Ea Knuêk	05/09/2025
391	H15.120-250826-0021	2.000942.000.00.00.H15	Thủ tục cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	UBND xã Ea Ktur	05/09/2025
392	H15.120-250908-0035	1.000656.000.00.00.H15	Thủ tục đăng ký khai tử	UBND xã Ea Ktur	08/09/2025
393	H15.120-250905-0030	1.001612.000.00.00.H15	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh	UBND xã Ea Ktur	08/09/2025
394	H15.120-250911-0018	1.000894.000.00.00.H15	Thủ tục đăng ký kết hôn	UBND xã Ea Ktur	11/09/2025
395	H15.120-250923-0035	2.000635.000.00.00.H15	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch, bản sao Giấy khai sinh	UBND xã Ea Ktur	23/09/2025
396	H15.126-250908-0044	1.000656.000.00.00.H15	Thủ tục đăng ký khai tử	UBND xã Ea Khăl	08/09/2025
397	H15.194-250904-0014	2.000815.000.00.00.H15	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	UBND xã Ea Ly	04/09/2025
398	H15.194-250908-0016	2.001035.000.00.00.H15	Thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	UBND xã Ea Ly	08/09/2025
399	H15.113-250909-0016	1.004859.000.00.00.H15	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc	UBND xã Ea MDroh	09/09/2025
400	H15.113-250909-0040	2.001035.000.00.00.H15	Thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	UBND xã Ea MDroh	09/09/2025
401	H15.113-250925-0017	2.000635.000.00.00.H15	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch, bản sao Giấy khai sinh	UBND xã Ea MDroh	25/09/2025
402	H15.146-250904-0026	2.000815.000.00.00.H15	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	UBND xã Ea Na	04/09/2025
403	H15.146-250922-0032	1.001193.000.00.00.H15	Thủ tục đăng ký khai sinh	UBND xã Ea Na	22/09/2025
404	H15.118-250904-0037	1.000894.000.00.00.H15	Thủ tục đăng ký kết hôn	UBND xã Ea Ning	04/09/2025
405	H15.118-250905-0033	2.001035.000.00.00.H15	Thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	UBND xã Ea Ning	08/09/2025
406	H15.118-250908-0045	2.000884.000.00.00.H15	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)	UBND xã Ea Ning	08/09/2025
407	H15.118-250908-0044	2.000884.000.00.00.H15	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)	UBND xã Ea Ning	08/09/2025
408	H15.118-250930-0025	2.000815.000.00.00.H15	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	UBND xã Ea Ning	30/09/2025
409	H15.110-250924-0035	2.000815.000.00.00.H15	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	UBND xã Ea Nuôi	24/09/2025
410	H15.125-250925-0016	1.004873.000.00.00.H15	Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	UBND xã Ea Păl	25/09/2025
411	H15.125-250925-0014	1.004873.000.00.00.H15	Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	UBND xã Ea Păl	25/09/2025
412	H15.125-250925-0013	2.000815.000.00.00.H15	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	UBND xã Ea Păl	26/09/2025
413	H15.154-250904-0079	2.000635.000.00.00.H15	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch, bản sao Giấy khai sinh	UBND xã Ea Phê	04/09/2025

STT	MÃ HỒ SƠ	MÃ TTHC	TÊN TTHC	ĐƠN VỊ XỬ LÝ	NGÀY TIẾP NHẬN
414	H15.163-250905-0044	1.013978.H15	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài	UBND xã Ea Riêng	05/09/2025
415	H15.163-250905-0046	2.000815.000.00.00.H15	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	UBND xã Ea Riêng	05/09/2025
416	H15.163-250923-0050	2.000815.000.00.00.H15	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	UBND xã Ea Riêng	23/09/2025
417	H15.132-250905-0057	2.000815.000.00.00.H15	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	UBND xã Ea Rôk	05/09/2025
418	H15.132-250908-0064	2.000815.000.00.00.H15	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	UBND xã Ea Rôk	08/09/2025
419	H15.132-250908-0059	2.000815.000.00.00.H15	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	UBND xã Ea Rôk	08/09/2025
420	H15.132-250924-0012	2.000884.000.00.00.H15	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)	UBND xã Ea Rôk	24/09/2025
421	H15.131-250904-0056	2.000815.000.00.00.H15	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	UBND xã Ea Súp	04/09/2025
422	H15.131-250904-0062	2.001035.000.00.00.H15	Thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	UBND xã Ea Súp	04/09/2025
423	H15.131-250904-0063	2.001035.000.00.00.H15	Thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	UBND xã Ea Súp	04/09/2025
424	H15.131-250915-0013	1.001193.000.00.00.H15	Thủ tục đăng ký khai sinh	UBND xã Ea Súp	15/09/2025
425	H15.109-250903-0040	2.000884.000.00.00.H15	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)	UBND xã Ea Wer	03/09/2025
426	H15.109-250915-0007	2.000815.000.00.00.H15	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	UBND xã Ea Wer	15/09/2025
427	H15.109-250927-0001	1.004884.000.00.00.H15	Thủ tục đăng ký lại khai sinh	UBND xã Ea Wer	28/09/2025
428	H15.128-250908-0025	1.001193.000.00.00.H15	Thủ tục đăng ký khai sinh	UBND xã Ea Wy	08/09/2025
429	H15.188-250916-0017	1.004859.000.00.00.H15	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc	UBND xã Hòa Mỹ	16/09/2025
430	H15.105-250903-0006	2.000575.000.00.00.H15	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh	UBND xã Hòa Phú	03/09/2025
431	H15.105-250904-0023	1.001612.000.00.00.H15	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh	UBND xã Hòa Phú	04/09/2025
432	H15.105-250908-0036	2.000635.000.00.00.H15	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch, bản sao Giấy khai sinh	UBND xã Hòa Phú	08/09/2025

STT	MÃ HỒ SƠ	MÃ TTHC	TÊN TTHC	ĐƠN VỊ XỬ LÝ	NGÀY TIẾP NHẬN
433	H15.139-250904-0032	2.000884.000.00.00.H15	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)	UBND xã Hòa Sơn	04/09/2025
434	H15.187-250908-0033	1.001193.000.00.00.H15	Thủ tục đăng ký khai sinh	UBND xã Hòa Thịnh	08/09/2025
435	H15.178-250903-0052	2.000815.000.00.00.H15	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	UBND xã Hòa Xuân	03/09/2025
436	H15.178-250904-0030	2.000884.000.00.00.H15	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)	UBND xã Hòa Xuân	04/09/2025
437	H15.178-250908-0072	2.000815.000.00.00.H15	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	UBND xã Hòa Xuân	08/09/2025
438	H15.135-250904-0016	2.000884.000.00.00.H15	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)	UBND xã Ia Lốp	04/09/2025
439	H15.165-250915-0016	1.001193.000.00.00.H15	Thủ tục đăng ký khai sinh	UBND xã Krông Ấ	15/09/2025
440	H15.144-250904-0035	1.001193.000.00.00.H15	Thủ tục đăng ký khai sinh	UBND xã Krông Ana	04/09/2025
441	H15.144-250905-0039	1.001193.000.00.00.H15	Thủ tục đăng ký khai sinh	UBND xã Krông Ana	08/09/2025
442	H15.144-250909-0041	2.000815.000.00.00.H15	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	UBND xã Krông Ana	09/09/2025
443	H15.141-250903-0043	1.000894.000.00.00.H15	Thủ tục đăng ký kết hôn	UBND xã Krông Bông	03/09/2025
444	H15.141-250905-0044	1.013949.H15	Giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; trường hợp giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; giao đất và giao rừng; cho thuê đất và cho thuê rừng, gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất	UBND xã Krông Bông	05/09/2025
445	H15.137-250903-0037	1.000656.000.00.00.H15	Thủ tục đăng ký khai tử	UBND xã Krông Búk	04/09/2025
446	H15.147-250903-0016	2.000635.000.00.00.H15	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch, bản sao Giấy khai sinh	UBND xã Krông Năng	04/09/2025
447	H15.151-250828-0014	1.001022.000.00.00.H15	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con	UBND xã Krông Pắc	03/09/2025
448	H15.151-250903-0097	1.013949.H15	Giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; trường hợp giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; giao đất và giao rừng; cho thuê đất và cho thuê rừng, gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất	UBND xã Krông Pắc	03/09/2025
449	H15.151-250916-0032	2.000720.000.00.00.H15	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh	UBND xã Krông Pắc	16/09/2025
450	H15.151-250925-0025	1.013949.H15	Giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; trường hợp giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; giao đất và giao rừng; cho thuê đất và cho thuê rừng, gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất	UBND xã Krông Pắc	25/09/2025
451	H15.157-250904-0013	1.001193.000.00.00.H15	Thủ tục đăng ký khai sinh	UBND xã Liên Sơn Lấp	04/09/2025
452	H15.157-250905-0003	1.001193.000.00.00.H15	Thủ tục đăng ký khai sinh	UBND xã Liên Sơn Lấp	05/09/2025
453	H15.162-250904-0018	2.000884.000.00.00.H15	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)	UBND xã MĐrắk	04/09/2025

STT	MÃ HỒ SƠ	MÃ TTHC	TÊN TTHC	ĐƠN VỊ XỬ LÝ	NGÀY TIẾP NHẬN
454	H15.162-250908-0022	1.014027.H15	Thực hiện, điều chỉnh, thời hưởng trợ cấp hưu trí xã hội	UBND xã MĐrắk	08/09/2025
455	H15.162-250908-0019	2.000884.000.00.00.H15	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)	UBND xã MĐrắk	08/09/2025
456	H15.162-250909-0022	2.000815.000.00.00.H15	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	UBND xã MĐrắk	09/09/2025
457	H15.159-250903-0009	2.000815.000.00.00.H15	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	UBND xã Nam Ka	04/09/2025
458	H15.181-250924-0039	1.001570.000.00.00.H15	Tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo của hộ kinh doanh	UBND xã Ô Loan	24/09/2025
459	H15.136-250905-0026	1.001193.000.00.00.H15	Thủ tục đăng ký khai sinh	UBND xã Pong Drang	05/09/2025
460	H15.136-250915-0001	2.000815.000.00.00.H15	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	UBND xã Pong Drang	15/09/2025
461	H15.184-250915-0006	2.000815.000.00.00.H15	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	UBND xã Phú Hòa 1	15/09/2025
462	H15.185-250828-0002	1.013978.H15	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài	UBND xã Phú Hòa 2	03/09/2025
463	H15.185-250904-0017	2.000815.000.00.00.H15	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	UBND xã Phú Hòa 2	04/09/2025
464	H15.185-250905-0033	1.004859.000.00.00.H15	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc	UBND xã Phú Hòa 2	05/09/2025
465	H15.185-250905-0056	2.000815.000.00.00.H15	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	UBND xã Phú Hòa 2	05/09/2025
466	H15.185-250907-0031	2.000815.000.00.00.H15	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	UBND xã Phú Hòa 2	07/09/2025
467	H15.150-250908-0046	1.001193.000.00.00.H15	Thủ tục đăng ký khai sinh	UBND xã Phú Xuân	08/09/2025
468	H15.150-250908-0045	2.000884.000.00.00.H15	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)	UBND xã Phú Xuân	08/09/2025
469	H15.150-250915-0018	2.000884.000.00.00.H15	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)	UBND xã Phú Xuân	15/09/2025
470	H15.114-250903-0024	2.000635.000.00.00.H15	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch, bản sao Giấy khai sinh	UBND xã Quảng Phú	03/09/2025

STT	MÃ HỒ SƠ	MÃ TTHC	TÊN TTHC	ĐƠN VỊ XỬ LÝ	NGÀY TIẾP NHẬN
471	H15.114-250904-0069	1.013949.H15	Giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; trường hợp giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; giao đất và giao rừng; cho thuê đất và cho thuê rừng, gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất	UBND xã Quảng Phú	04/09/2025
472	H15.114-250908-0059	1.001612.000.00.00.H15	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh	UBND xã Quảng Phú	08/09/2025
473	H15.114-250921-0026	1.013978.H15	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài	UBND xã Quảng Phú	21/09/2025
474	H15.114-250922-0022	1.001193.000.00.00.H15	Thủ tục đăng ký khai sinh	UBND xã Quảng Phú	26/09/2025
475	H15.197-250903-0023	1.004884.000.00.00.H15	Thủ tục đăng ký lại khai sinh	UBND xã Sông Hình	03/09/2025
476	H15.197-250903-0027	2.001035.000.00.00.H15	Thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	UBND xã Sông Hình	04/09/2025
477	H15.197-250903-0026	2.001035.000.00.00.H15	Thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	UBND xã Sông Hình	04/09/2025
478	H15.190-250828-0003	2.001009.000.00.00.H15	Thủ tục chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	UBND xã Sơn Hòa	02/09/2025
479	H15.190-250905-0088	2.000635.000.00.00.H15	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch, bản sao Giấy khai sinh	UBND xã Sơn Hòa	05/09/2025
480	H15.190-250927-0002	1.013978.H15	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài	UBND xã Sơn Hòa	29/09/2025
481	H15.189-250904-0010	2.000815.000.00.00.H15	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	UBND xã Sơn Thành	04/09/2025
482	H15.189-250905-0009	1.000656.000.00.00.H15	Thủ tục đăng ký khai tử	UBND xã Sơn Thành	07/09/2025
483	H15.193-250904-0016	2.000635.000.00.00.H15	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch, bản sao Giấy khai sinh	UBND xã Suối Trai	04/09/2025
484	H15.193-250908-0017	2.000815.000.00.00.H15	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	UBND xã Suối Trai	08/09/2025
485	H15.149-250908-0020	1.013949.H15	Giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; trường hợp giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; giao đất và giao rừng; cho thuê đất và cho thuê rừng, gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất	UBND xã Tam Giang	08/09/2025
486	H15.149-250908-0032	1.001193.000.00.00.H15	Thủ tục đăng ký khai sinh	UBND xã Tam Giang	09/09/2025
487	H15.153-250908-0025	2.000815.000.00.00.H15	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	UBND xã Tân Tiến	08/09/2025
488	H15.153-250908-0021	1.013978.H15	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài	UBND xã Tân Tiến	08/09/2025
489	H15.153-250909-0035	1.013978.H15	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài	UBND xã Tân Tiến	09/09/2025

STT	MÃ HỒ SƠ	MÃ TTHC	TÊN TTHC	ĐƠN VỊ XỬ LÝ	NGÀY TIẾP NHẬN
490	H15.186-250903-0077	2.000884.000.00.00.H15	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)	UBND xã Tây Hòa	04/09/2025
491	H15.179-250903-0049	2.000913.000.00.00.H15	Thủ tục chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	UBND xã Tuy An Bắc	03/09/2025
492	H15.179-250904-0017	2.001035.000.00.00.H15	Thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	UBND xã Tuy An Bắc	04/09/2025
493	H15.179-250930-0025	2.000815.000.00.00.H15	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	UBND xã Tuy An Bắc	30/09/2025
494	H15.180-250903-0087	2.001406.000.00.00.H15	Thủ tục chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	UBND xã Tuy An Đông	03/09/2025
495	H15.180-250904-0056	2.000913.000.00.00.H15	Thủ tục chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	UBND xã Tuy An Đông	04/09/2025
496	H15.180-250905-0014	2.000815.000.00.00.H15	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	UBND xã Tuy An Đông	05/09/2025
497	H15.180-250909-0071	2.000815.000.00.00.H15	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	UBND xã Tuy An Đông	09/09/2025
498	H15.182-250904-0051	2.000884.000.00.00.H15	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)	UBND xã Tuy An Nam	04/09/2025
499	H15.182-250908-0026	2.000884.000.00.00.H15	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)	UBND xã Tuy An Nam	08/09/2025
500	H15.182-250908-0051	2.000815.000.00.00.H15	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	UBND xã Tuy An Nam	08/09/2025
501	H15.182-250908-0018	2.001035.000.00.00.H15	Thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	UBND xã Tuy An Nam	08/09/2025
502	H15.182-250915-0004	1.014027.H15	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp hưu trí xã hội	UBND xã Tuy An Nam	15/09/2025
503	H15.183-250908-0043	2.000815.000.00.00.H15	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	UBND xã Tuy An Tây	09/09/2025
504	H15.156-250905-0042	2.000635.000.00.00.H15	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch, bản sao Giấy khai sinh	UBND xã Vụ Bồn	05/09/2025
505	H15.156-250908-0037	1.013978.H15	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài	UBND xã Vụ Bồn	08/09/2025
506	H15.156-250905-0005	2.000815.000.00.00.H15	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	UBND xã Vụ Bồn	08/09/2025

STT	MÃ HỒ SƠ	MÃ TTHC	TÊN TTHC	ĐƠN VỊ XỬ LÝ	NGÀY TIẾP NHẬN
507	H15.156-250916-0052	2.000815.000.00.00.H15	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	UBND xã Vụ Bồn	16/09/2025
508	H15.156-250916-0051	1.001193.000.00.00.H15	Thủ tục đăng ký khai sinh	UBND xã Vụ Bồn	16/09/2025
509	H15.156-250916-0061	2.000815.000.00.00.H15	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	UBND xã Vụ Bồn	16/09/2025
510	H15.176-250904-0044	2.000635.000.00.00.H15	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch, bản sao Giấy khai sinh	UBND xã Xuân Cảnh	04/09/2025
511	H15.176-250905-0010	2.001406.000.00.00.H15	Thủ tục chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	UBND xã Xuân Cảnh	05/09/2025
512	H15.198-250904-0028	1.013949.H15	Giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; trường hợp giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; giao đất và giao rừng; cho thuê đất và cho thuê rừng, gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất	UBND xã Xuân Lành	04/09/2025
513	H15.198-250908-0034	2.000815.000.00.00.H15	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	UBND xã Xuân Lành	08/09/2025
514	H15.177-250905-0012	2.000815.000.00.00.H15	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	UBND xã Xuân Lộc	08/09/2025
515	H15.200-250908-0018	1.013978.H15	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài	UBND xã Xuân Phước	08/09/2025
516	H15.200-250923-0005	2.001035.000.00.00.H15	Thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	UBND xã Xuân Phước	23/09/2025
517	H15.142-250908-0036	2.001035.000.00.00.H15	Thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	UBND xã Yang Mao	08/09/2025
518	H15.142-250915-0006	2.000815.000.00.00.H15	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	UBND xã Yang Mao	15/09/2025

```
SELECT Count(*) over() total , d.SUBMISSION_CODE, d.procedure_code, d.procedure_nam
```

ie ,cq.ten DONVIXULY , CASE WHEN D_RECEIVED_DATE > 0 THEN TO_CHAR(to_c

```
date(D_RECEIVED_DATE,'yyyymmdd'),'dd/mm/yyyy') ELSE ' ' end NGAYTIEPNHAN ,d.is_sync
```

:_late chamtiepnhan FROM dvcqg_report.FACT_SUBMISSION_DETAIL_57 d LEFT JOIN DVC

```
:_DATA.USER_INFO ui ON ui.TECHNICAL_ID = d.TECHNICAL_ID    inner join TTHC_ADMIN.DM_COQU
```

```
AN cq on cq.id = d.AGENCY_ID_PROCESSING    WHERE 1=1 --    and d.agency_root_send_id=37086
```

5 and (d.agency_id_processing=381137 or d.agency_id_processing in (select id from tthc_ac

lmin.dm_coquan where chaid=381137) or d.agency_id_processing in (select id from tthc

:_admin.dm_coquan where chaid in (select id from tthc_admin.dm_coquan where chaid=381137))

or d.agency_id_processing in (select id from tthc_admin.dm_coquan where chaid in (select

ti